

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**TRƯỜNG THỊ THU HÀ**

**ĐẶC ĐIỂM NGỮ NGHĨA-NGỮ PHÁP  
CỦA VỊ TỪ QUÁ TRÌNH TIẾNG VIỆT**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

HÀ NỘI 2013

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**TRƯƠNG THỊ THU HÀ**

**ĐẶC ĐIỂM NGỮ NGHĨA-NGỮ PHÁP  
CỦA VỊ TỪ QUÁ TRÌNH TIẾNG VIỆT**

Chuyên ngành:      Lí luận ngôn ngữ

Mã số:                62 22 01 01

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
PGS TS Nguyễn Hồng Côn

**HÀ NỘI 2013**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, minh bạch và chưa được ai công bố trong bất cứ công trình nào khác.

*Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2013*

**Tác giả luận án**

*Trương Thị Thu Hà*

## DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

### 1. Các kí hiệu

Dấu (\*): biểu thị câu không đúng ngữ pháp hay câu bất thường.

Dấu (!?): câu có thể xuất hiện trong một (một số) ngữ cảnh nào đó.

### 2. Các chữ viết tắt

BN: Bỏ ngữ

BNĐ: Bỏ ngữ Đích

BNĐT: Bỏ ngữ Đối thể

BNKQ: Bỏ ngữ Kết quả

BNM: Bỏ ngữ Mốc

BNN: Bỏ ngữ Nguồn

BNNN: Bỏ ngữ Nguyên nhân

BT: Bị thể

CN: Chủ ngữ

CT: chuyển thái

CTCP: cấu trúc cú pháp

CTTT: cấu trúc tham tổ

CV: chuyển vị

DV: diệt vong

ĐN: Định ngữ

ĐT: Đối thể

KN: Khởi ngữ

KQ: Kết quả

LĐT: Liên đới thể

NS: nảy sinh

QT: Quá thể

TN: Trạng ngữ

TTh: Tạo thể

TTN: Tình thái ngữ

VTQT: Vị từ quá trình

## MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| <b>MỞ ĐẦU</b>  | 1  |
| 0.1. TỔNG QUAN   | 1  |
| 0.2. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI   | 5  |
| 0.3. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU   | 6  |
| 0.4. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU   | 6  |
| 0.5. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU                                   | 7  |
| 0.6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU  | 8  |
| 0.7. Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN                                     | 8  |
| 0.8. BỐ CỤC CỦA LUẬN ÁN  | 9  |
| <b>CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT</b>                                       | 10 |
| 1.1. VỊ TỪ TRONG CẤU TRÚC NGỮ NGHĨA-NGỮ PHÁP CỦA CÂU                   | 10 |
| 1.1.1. Quan điểm của các nhà Ngôn ngữ học trên thế giới                | 10 |
| 1.1.2. Quan điểm của các nhà Việt ngữ học                              | 18 |
| 1.2. VỊ TỪ VÀ CÁC QUAN NIỆM VỀ VỊ TỪ TRONG TIẾNG VIỆT                  | 25 |
| 1.2.1. Khuynh hướng coi vị từ là một phạm trù từ loại                  | 25 |
| 1.2.2. Khuynh hướng coi vị từ là một phạm trù chức năng                | 28 |
| 1.3. VỊ TỪ QUÁ TRÌNH VÀ CÁC QUAN NIỆM VỀ VỊ TỪ QUÁ TRÌNH<br>TIẾNG VIỆT | 31 |
| 1.3.1. Khái niệm vị từ quá trình                                       | 31 |
| 1.3.2. Các quan niệm về vị từ quá trình tiếng Việt                     | 36 |
| 1.3.3. Quan điểm của tác giả luận án                                   | 37 |
| 1.4. TIỂU KẾT  | 38 |
| <b>CHƯƠNG 2. NHẬN DIỆN VÀ PHÂN LOẠI VỊ TỪ QUÁ TRÌNH<br/>TIẾNG VIỆT</b> | 40 |
| 2.1. NHẬN DIỆN VỊ TỪ QUÁ TRÌNH TIẾNG VIỆT                              | 40 |
| 2.1.1. Vấn đề nhận diện vị từ quá trình                                | 40 |

|   |     |
|---|-----|
| <b>2.1.2. Các tiêu chí nhận diện vị từ quá trình tiếng Việt</b>         | 45  |
| <b>2.1.3. Quy trình nhận diện vị từ quá trình tiếng Việt</b>            | 55  |
| <b>2.2. PHÂN LOẠI VỊ TỪ QUÁ TRÌNH TIẾNG VIỆT</b>                        | 55  |
| <b>2.2.1. Tiêu chí phân loại vị từ quá trình tiếng Việt</b>             | 55  |
| <b>2.2.2. Các tiểu loại vị từ quá trình tiếng Việt</b>                  | 58  |
| <b>2.3. TIỂU KẾT</b>  | 68  |
| <b>CHƯƠNG 3. ĐẶC ĐIỂM NGỮ NGHĨA-NGỮ PHÁP CỦA VỊ TỪ QUÁ TRÌNH VÔ TÁC</b> | 69  |
| <b>3.1. VỊ TỪ QUÁ TRÌNH VÔ TÁC CHUYỂN VỊ</b>                            | 69  |
| <b>3.1.1. Đặc điểm ngữ nghĩa</b>  | 69  |
| <b>3.1.2. Đặc điểm cấu trúc tham tố</b>                                 | 76  |
| <b>3.1.3. Đặc điểm cấu trúc cú pháp</b>                                 | 84  |
| <b>3.2. VỊ TỪ QUÁ TRÌNH VÔ TÁC CHUYỂN THÁI</b>                          | 88  |
| <b>3.2.1. Đặc điểm ngữ nghĩa</b>  | 88  |
| <b>3.2.2. Đặc điểm cấu trúc tham tố</b>                                 | 92  |
| <b>3.2.3. Đặc điểm cấu trúc cú pháp</b>                                 | 96  |
| <b>3.3. VỊ TỪ QUÁ TRÌNH VÔ TÁC NẢY SINH</b>                             | 98  |
| <b>3.3.1. Đặc điểm ngữ nghĩa</b>  | 98  |
| <b>3.3.2. Đặc điểm cấu trúc tham tố</b>                                 | 102 |
| <b>3.3.3. Đặc điểm cấu trúc cú pháp</b>                                 | 105 |
| <b>3.4. VỊ TỪ QUÁ TRÌNH VÔ TÁC DIỆT VONG</b>                            | 106 |
| <b>3.4.1. Đặc điểm ngữ nghĩa</b>  | 106 |
| <b>3.4.2. Đặc điểm cấu trúc tham tố</b>                                 | 109 |
| <b>3.4.3. Đặc điểm cấu trúc cú pháp</b>                                 | 112 |
| <b>3.5. VỊ TỪ QUÁ TRÌNH VÔ TÁC TẠO TÁC</b>                              | 114 |
| <b>3.5.1. Đặc điểm ngữ nghĩa</b>  | 114 |
| <b>3.5.2. Đặc điểm cấu trúc tham tố</b>                                 | 115 |
| <b>3.5.3. Đặc điểm cấu trúc cú pháp</b>                                 | 117 |
| <b>3.6. TIỂU KẾT</b>  | 118 |

|  |     |
|--|-----|
| <b>CHƯƠNG 4. ĐẶC ĐIỂM NGỮ NGHĨA-NGỮ PHÁP CỦA VỊ TỪ</b> | 119 |
| <b>QUÁ TRÌNH HỮU TÁC</b>                               |     |
| 4.1. VỊ TỪ QUÁ TRÌNH HỮU TÁC CHUYỂN VỊ                 | 119 |
| 4.1.1. Đặc điểm ngữ nghĩa                              | 119 |
| 4.1.2. Đặc điểm cấu trúc tham tố                       | 121 |
| 4.1.3. Đặc điểm cấu trúc cú pháp                       | 128 |
| 4.2. VỊ TỪ QUÁ TRÌNH HỮU TÁC CHUYỂN THÁI               | 131 |
| 4.2.1. Đặc điểm ngữ nghĩa                              | 131 |
| 4.2.2. Đặc điểm cấu trúc tham tố                       | 134 |
| 4.2.3. Đặc điểm cấu trúc cú pháp                       | 138 |
| 4.3. VỊ TỪ QUÁ TRÌNH HỮU TÁC HUỖY DIỆT                 | 140 |
| 4.3.1. Đặc điểm ngữ nghĩa                              | 140 |
| 4.3.2. Đặc điểm cấu trúc tham tố                       | 141 |
| 4.3.3. Đặc điểm cấu trúc cú pháp                       | 145 |
| 4.4. TIÊU KẾT  | 147 |
| <b>KẾT LUẬN</b>  | 148 |
| DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ                    | 151 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO                                     | 152 |
| NGUỒN TƯ LIỆU TRÍCH DẪN                                | 161 |
| PHỤ LỤC  | 163 |

## MỞ ĐẦU

### 0.1. TỔNG QUAN

**0.1.1.** Vị từ là những từ có khả năng tự mình làm vị ngữ hoặc làm hạt nhân ngữ nghĩa của một vị ngữ biểu thị nội dung sự tình của thể giới được nói đến trong câu. Nó có vị trí đặc biệt quan trọng khi nghiên cứu ngữ nghĩa-ngữ pháp của câu. Có thể nói một trong những người đầu tiên quan tâm đến vai trò của vị từ trong câu chính là L. Tesnière. Theo L. Tesnière, “*cấu trúc cú pháp của câu xoay xung động từ và các diễn tố (actants) làm bổ ngữ cho nó*” (Dẫn theo [27, tr. 42]). (Ở đây, Cao Xuân Hạo dùng thuật ngữ “động từ” nhưng theo chúng tôi phải sử dụng thuật ngữ “vị từ” mới chính xác. Tuy nhiên, để khách quan, trong phần trích dẫn này, chúng tôi vẫn giữ nguyên thuật ngữ “động từ”). L. Tesnière thậm chí cho rằng, ngay cả chủ ngữ cũng chỉ là một trong số các bổ ngữ đó. Tiếp sau ông, C.J. Fillmore, W.L. Chafe, S.C. Dik, M.A.K. Halliday, v.v. cũng là những người đánh giá cao vai trò của vị từ trong câu. Chẳng hạn, nhận định về vai trò của vị từ trong toàn bộ thể giới khái niệm của con người, W.L. Chafe đã phát biểu: “*toàn bộ thể giới khái niệm của con người ngay từ đầu đã chia ra làm hai phạm vi chính. Một là phạm vi động từ bao gồm các trạng thái (tình trạng, chất lượng) và sự kiện; phạm vi kia là danh từ bao gồm các “sự vật” (...). Tôi chấp nhận rằng trung tâm của chúng là động từ, còn ngoại diên là danh từ.*” [9, tr. 124]. (Trong bản dịch *Ý nghĩa và cấu trúc của ngôn ngữ* [9] của W.L. Chafe do Nhà xuất bản Giáo dục in năm 1998 thuật ngữ “verb” mà tác giả sử dụng được dịch sang tiếng Việt là “động từ” nhưng thực chất khái niệm này tương đương với thuật ngữ “vị từ” mà chúng tôi sử dụng trong luận án này. Tuy nhiên, để khách quan, ở đây, trong phần trích dẫn này chúng tôi vẫn giữ nguyên thuật ngữ “động từ”). Ở Việt Nam, khi đánh giá về chức năng của vị từ, Cao Xuân Hạo cũng cho rằng “*chức năng của vị từ chính là làm thành vị ngữ (ngữ đoạn vị từ) hay làm trung tâm của ngữ đoạn này, cho nên chính nó đảm đương việc mang những đặc trưng ngữ pháp-ngữ nghĩa đánh dấu sự phân biệt giữa các loại sự tình.*” [31, tr. 258]. Điều này có nghĩa là nó đảm nhận gánh nặng ngữ pháp-ngữ nghĩa của câu. Sở dĩ sự tình này khác biệt với sự tình khác là do sự khác biệt về tính chất của các vị từ. Cũng như vậy, nhận xét về vai trò của vị từ đối với



ngữ nghĩa của cả câu, Nguyễn Thị Quy [84, tr. 9] đã viết: “*Nghĩa của các vị từ có một tác dụng quyết định đối với ngữ pháp của câu*”. Vị từ có vai trò quan trọng như vậy trong việc diễn đạt ý nghĩa nhưng khái niệm này lại được các tác giả khác nhau hiểu một cách khác nhau. Và do vậy các vị từ cũng được chia thành các tiểu loại khác nhau. Chẳng hạn, căn cứ vào đặc trưng nghĩa học của vị ngữ và kết hợp với yếu tố “hoàn cảnh”, W.L. Chafe phân chia vị từ tiếng Anh thành sáu loại sau: 1/ Vị từ trạng thái, 2/ Vị từ quá trình, 3/ Vị từ hành động, 4/ Vị từ quá trình hành động, 5/ Vị từ trạng thái hoàn cảnh và 6/ Vị từ hành động hoàn cảnh. [9]. Hay S.C. Dik, dựa trên hai thông số cơ bản là Động (*dynamism*) và Chủ ý (*control*), đã phân chia vị từ thành bốn nhóm cơ bản là: 1/ Vị từ hành động, 2/ Vị từ quá trình, 3/ Vị từ trạng thái và 4/ Vị từ quan hệ. [15]. Quan điểm này của ông hiện cũng được nhiều nhà Việt ngữ học ứng dụng để khảo sát tiếng Việt.

**0.1.2.** Vị từ có vai trò quan trọng trong việc phản ánh thế giới hiện thực nên vị từ nói chung và vị từ tiếng Việt nói riêng đã được nghiên cứu từ rất sớm. Riêng về vị từ tiếng Việt, có thể kể ra một loạt các công trình nghiên cứu tiêu biểu như: *Grammaire de la langue annamite* của Trương Vĩnh Ký (1883), *Việt Nam văn phạm* của Trần Trọng Kim-Phạm Duy Khiêm-Bùi Kỳ (xuất bản lần đầu năm 1940), *Studies in vietnamese (annamese) grammar* của M.B. Emeneau (1951), *Việt ngữ nghiên cứu* của Phan Khôi (xuất bản lần đầu năm 1955), *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam* của Trương Văn Chính-Nguyễn Hiến Lê (1963), *A Vietnamese Grammar* của L.C. Thompson (1965), *Văn phạm Việt Nam* của Bùi Đức Tịnh (xuất bản lần đầu năm 1968), *Sơ thảo ngữ pháp Việt Nam* của Lê Văn Lý (xuất bản lần đầu năm 1968), *Động từ trong tiếng Việt* của Nguyễn Kim Thản (1977), *Ngữ pháp tiếng Việt* của Ủy ban KHXH Việt Nam (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt* của Đinh Văn Đức (xuất bản lần đầu năm 1986), *Nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt* của Nguyễn Lai (1990), *Ngữ pháp tiếng Việt* của Diệp Quang Ban (chủ biên) (xuất bản lần đầu năm 1991), *Tiếng Việt-Sơ thảo ngữ pháp chức năng* của Cao Xuân Hạo (xuất bản lần đầu năm 1991), *Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó, so với tiếng Nga và tiếng Anh* của Nguyễn Thị Quy (1995), *Kết trị của động từ tiếng Việt* của Nguyễn Văn Lộc (1996), *Tiếng Việt - Máy vấn đề ngữ âm-ngữ pháp-ngữ nghĩa* của Cao Xuân Hạo (2001), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt (Vị từ hành động)* của

Nguyễn Thị Quy (2002), *Ngữ pháp chức năng Quyển 1* (2000) và *Quyển 2* (2005) của Cao Xuân Hạo (chủ biên), *Khảo sát các động từ tình thái trong tiếng Việt* của Bùi Trọng Ngoãn (2004), *Vài nhận xét về ngữ nghĩa vị từ cảm giác* của Nguyễn Văn Phở (2007), *Cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu với nhóm vị từ trao/ tặng* của Lâm Quang Đông (2008), *Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ* (2009) và *777 khái niệm ngôn ngữ học* (2010) của Nguyễn Thiện Giáp, *Nghiên cứu nhóm vị từ chỉ tình cảm trong tiếng Hán và tiếng Việt* của Lý Quế Phương (Li Guifang) (2012), v.v.

Các tác giả trên có những quan điểm rất khác nhau về vị từ tiếng Việt nhưng về cơ bản chia thành những khuynh hướng chính sau:

*1/ Khuynh hướng coi vị từ là một phạm trù từ loại (bao gồm động từ và tính từ):*

Thuộc khuynh hướng này có thể kể đến các tác giả như: Trần Trọng Kim-Phạm Duy Khiêm-Bùi Kỳ, M.B. Emeneau, Bùi Đức Tịnh, Lê Văn Lý, Nguyễn Kim Thản, Đinh Văn Đức, Diệp Quang Ban, Nguyễn Văn Lộc, v.v. Trọng tâm trong các công trình của các tác giả này là coi động từ và tính từ là hai nhóm từ loại khác biệt nhau và họ cố gắng tìm ra các tiêu chí để phân biệt hai nhóm từ này. Tiêu biểu cho khuynh hướng này là Lê Văn Lý và Nguyễn Kim Thản.

*2/ Khuynh hướng coi vị từ là một phạm trù chức năng:*

Thuộc khuynh hướng này có thể kể đến các tác giả như: Cao Xuân Hạo, Nguyễn Thị Quy, Nguyễn Thiện Giáp, Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Văn Phở, Bùi Minh Toán, v.v. Các tác giả này đều cho rằng tính từ và động từ đều là những từ “*có thể tự mình làm thành một vị ngữ (hay một ngữ đoạn biểu thị nội dung của cái sự tình được trần thuật trong câu) hoặc làm trung tâm cho ngữ đoạn ấy.*” [31, tr. 355] và do vậy chúng cùng thuộc vào một nhóm gọi là vị từ. Thêm vào đó, thuật ngữ “vị từ” cũng “*sát hơn với thuật ngữ Verbe*” [84, tr. 41] trong tiếng Pháp. Với quan điểm như trên thì vị từ có thể do các từ loại khác nhau đảm nhiệm. Và thông thường, vị từ hay do động từ hay tính từ như quan điểm của các tác giả thuộc khuynh hướng thứ nhất đảm nhiệm. Đối với nhóm các tác giả thuộc khuynh hướng này, tiêu chí để phân biệt các tiểu loại của vị từ cũng không phải là các khả năng kết hợp với các nhóm từ chứng như các tác giả trên đã cố gắng xác lập. Theo họ, các tiêu chí [± Động] và [± Chủ ý] mà S.C. Dik đã đề ra